UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 25/2019/QĐ-UBND	*Quảng Ninh, ngày 25 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung một số vị trí giá đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Đất đai số 45/2013/QH ngày 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định: Số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về giá đất; số 104/2014/NĐ-CP ngày 14/11/2014 quy định về khung giá đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất; Các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 174/2014/NQ-HĐND ngày 12/12/2014 của Hội đồng HĐND tỉnh về việc thông qua phương án giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019;

Căn cứ Công văn số 521/HĐND-KTNS ngày 25/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phương án điều chỉnh, bổ sung một số vị trí giá đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh.

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 488/TTr-TNMT ngày 28/6/2019; Thông báo kết quả thẩm định số 2475/TB-HĐTĐG ngày 21/6/2019 của Hội đồng thẩm định bảng giá đất cấp tỉnh; Báo cáo thẩm định số 153/BCTĐ-STP ngày 27/6/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung một số vị trí giá đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 3238/QĐ-

UBND ngày 26/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10/8/2019.

Điều 3. Các Ông (bà): Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Xây dựng; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục thuế Quảng Ninh; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT và các PCT - UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- V0, V1, V2, V3, V4; QLĐĐ1,2,3; QH; TH1; TM3,4;
- Lưu: VT, QLĐĐ2; Đ40bản, QĐ169.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Cao Tường Huy

PHỤ LỤC

Sửa đổi, bổ sung một số vị trí giá đất trong bảng giá các loại đất trên địa bàn huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2019 ban hành kèm theo Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 26/12/2014

(Ban hành kèm theo Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 25/7/2019 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

13. HUYỆN VÂN ĐỒN (ĐÔ THỊ LOẠI IV)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M2)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M2)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M2)
*	**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỊ TRÍ GIÁ ĐẤT**			
II	**XÃ ĐỒNG XÁ (XÃ MIỀN NÚI)**			
11	**KHU ĐÔ THỊ MỚI XÃ ĐỒNG XÁ**			
11.1	Các ô đất tiếp giáp đường quy hoạch rộng 44m	22,000,000	13,200,000	11,000,000
11.2	Các ô đất tiếp giáp đường quy hoạch rộng 24m	19,800,000	11,880,000	9,900,000
11.3	Các ô đất tiếp giáp đường quy hoạch rộng 12m	17,600,000	10,560,000	8,800,000
11.4	Các ô đất tiếp giáp đường quy hoạch rộng 10,5m (đường quy hoạch tiếp giáp biển)	17,600,000	10,560,000	8,800,000
11.5	Các ô đất tiếp giáp đường quy hoạch rộng 10,5m	15,400,000	9,240,000	7,700,000
11.6	Các ô đất tiếp giáp đường quy hoạch rộng 7,5m hoặc 7,0m	13,200,000	7,920,000	6,600,000

13. HUYỆN VÂN ĐỒN (ĐÔ THỊ LOẠI IV)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M2)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M2)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M2)
*	**ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG VỊ TRÍ GIÁ ĐẤT**			
	THỊ TRẤN CÁI RỒNG			
XII	**KHU DÂN CƯ TỔ 11, KHU 7, THỊ TRẤN CÁI RỒNG**			
1	Các ô đất ở tiếp giáp đường quy hoạch rộng 12m	18,500,000	11,100,000	9,250,000
2	Các ô đất ở tiếp giáp đường quy hoạch rộng 10,5m	16,600,000	9,960,000	8,300,000
3	Các ô đất ở tiếp giáp đường quy hoạch rộng 5-5,5m	12,100,000	7,260,000	6,050,000